

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNST

Ngày: 11/4/2018

Về việc: ***“Không công nhận quan hệ vợ chồng”***.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Võ Bích Hải**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phan Công Ny**

2. Bà **Phạm Thị Thiện.**

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông **Huỳnh Quốc Sang.**

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân thụ lý số 764/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc ***“Không công nhận quan hệ vợ chồng”***.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2018/QĐST-HN ngày 28 tháng 03 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Vưu Kim L.** Sinh năm 1990.

Trú tại: 125 Mậu Thân, phường A, quận B, TP. Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức T.** Sinh năm 1983.

Trú tại: 14/3 Nguyễn Thị Minh Khai, phường C, quận B, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN NHƯ SAU:

Nguyên đơn bà Vưu Kim L trình bày: Qua mai mối, bà L và ông T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2016. Sau khi chung sống với nhau, ông T trì hoãn không chịu đăng ký kết hôn. Đến tháng 07/2017, ông bà bàn nhau mua đất cất nhà bán lại kiếm lời, nhưng hai bên bất đồng ý kiến vì ông T đòi đứng tên trên giấy tờ trong khi hùn vốn chỉ 01 lượng vàng lúc cưới bà L, phía bà L không đồng ý nên hai bên xảy ra mâu thuẫn, ông T có thái độ hung hăng, bà L lo sợ nên về nhà cha mẹ ruột ở. Ông T có liên lạc qua điện thoại kêu bà L về nhưng vì cho rằng ông không thành thật nên bà L không muốn chung sống tiếp tục với ông T. Nay bà L thấy tình cảm

không còn vì cuộc hôn nhân không mang lại hạnh phúc, bà muốn chấm dứt mối quan hệ giữa hai bên nên có đơn xin không công nhận vợ chồng với ông T.

Về con chung: Không có.

Về nợ chung: Bà L khai không có.

Về tài sản chung:

- Sau khi cưới ông bà có 20.000.000 đồng tiền chợ nhà trai đi cho nhà gái, số tiền này gia đình bà L không lấy mà cho lại bà và ông T.

- 01 lượng vàng gia đình ông T cho trong ngày cưới.

Bà L yêu cầu chia đôi số tài sản trên.

Bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông thống nhất về lời trình bày của bà L về thời gian chung sống, về mâu thuẫn giữa hai bên. Nay, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng ông bà thì ông thống nhất.

Về con chung: Ông T thừa nhận không có.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Ông T thừa nhận trong ngày cưới gia đình ông T có đi tiền chợ cho gia đình bà L số tiền 20.000.000 đồng và cho bà L 01 lượng vàng nữ trang nhưng gia đình bà L đã cho lại ông T, bà L 20.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền và vàng trên khi về chung sống ông T cất giữ và chi hết tiền cho việc học hành, còn số vàng trên khi bà L giận bỏ về nhà cha mẹ ông đã trả lại cho gia đình nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà L.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đối với ông T và yêu cầu chia tài sản chung là 20.000.000 đồng và 01 lượng vàng.

Ông T đồng ý yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà L nhưng về tài sản thì ông không đồng ý chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vưu Kim L và ông Nguyễn Đức T tự nguyện sống chung tuy không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, nhưng việc các bên không đăng ký kết hôn mà tiến tới chung sống với nhau thì không được pháp luật công nhận

là vợ chồng. Nay bà L có yêu cầu xin không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T, vụ việc này do Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét trong thời gian chung sống với nhau: Bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến tình cảm không còn. Ông bà đã ly thân trong thời gian từ tháng 07/2017 đến nay, trong thời gian đó hai bên không hàn gắn được tình cảm. Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án triệu tập các bên đến để làm việc, nhưng cả hai đều xác định là muốn chấm dứt mối quan hệ này từ đó cho thấy tình cảm ông bà trên thực tế đã rạn nứt, nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống cả hai. Căn cứ theo Nghị quyết 35/NQ.QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì từ sau ngày 01/01/2003, hôn nhân của ông bà không được công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét yêu cầu của bà L là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông bà đều xác định là không có con chung nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà L, ông T thống nhất không có.

Về tài sản chung: Ông bà đều xác định trong ngày cưới gia đình ông T có đi tiền chợ cho nhà gái số tiền là 20.000.000 đồng và cho bà L 01 lượng vàng nữ trang 24K, nhưng gia đình bà L đã cho lại ông T, bà L số tiền trên. Khi về chung sống ông bà đã để 01 lượng vàng cưới và số tiền 20.000.000 đồng cất trong tủ để sử dụng chung.

Bà L yêu cầu chia đôi số tài sản trên và cho rằng bà không sử dụng gì trong số tài sản trên. Thời gian chung sống với ông T, toàn bộ chi phí sinh hoạt và ăn uống hàng ngày của ông bà đều do gia đình bà lo liệu vì bà L có phụ tiếp gia đình trong việc mua bán.

Nhận thấy, số tiền và vàng trên được cho ông bà trong ngày cưới, khi chung sống với nhau ông bà đều thống nhất thỏa thuận là tài sản chung nên cất giữ để sử dụng chung. Do vậy xác định đây là tài sản chung của cả hai ông bà nên bà L yêu cầu chia đôi tài sản là cơ sở. Ông T và bà L chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn nên không được công nhận là vợ chồng, khi có tranh chấp về tài sản sẽ được giải quyết theo Điều 16 Luật hôn nhân gia đình năm 2015; Điều 218 Bộ luật dân sự năm 2015: Theo đó việc định đoạt tài sản chung phải được thực hiện theo thỏa thuận của chủ sở hữu chung hoặc theo quy định của pháp luật, nhưng ông T sử dụng và quyết định đối với tài sản chung mà không có sự thống nhất của bà L nên phải chịu trách nhiệm về việc tự ý định đoạt tài sản chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc ông T phải có trách nhiệm thối lại cho bà L số tiền 10.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K.

Vì các lẽ trên,

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU
QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 14, Điều 16 Luật hôn nhân gia đình năm 2015.
- Điều 218 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết 35/NQ.QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vưu Kim L và ông Nguyễn Đức T

Về con chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức T, bà Vưu Kim L thống nhất có tài sản chung là 20.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24K. Ông T đang giữ tài sản trên nên buộc ông T phải có nghĩa vụ giao lại cho bà L số tiền 10.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Vưu Kim L phải nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004573 ngày 14/11/2017 thành án phí.

Về án phí dân sự:

- Bà Vưu Kim L phải nộp 1.428.250 đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 1.208.500 đồng theo biên lai thu số 004573 ngày 14/11/2017 số còn lại 219.750 đồng bà L tiếp tục nộp.

- Ông Nguyễn Đức T phải nộp 1.428.250 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- THA Q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Bích Hải